

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KV6-VL

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2025.

V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh
chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6 - VL

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Gia A.

Ông Phan Thành P.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu T - Thư ký Tòa án nhân dân KV6 - VL

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6 - VL tham gia phiên tòa:** Ông Phan Trọng T1 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân KV6 - VL xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Phạm Thanh T**, sinh năm 1998; CCCD: 052198003321; Địa chỉ: Thôn AB, xã LA, huyện BL, tỉnh LD. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Võ Văn Th**, sinh năm 1990; CCCD: 083090009237; Địa chỉ: 56/51 ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã VT, tỉnh VL). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Thanh T trình bày:

Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Bà Nguyễn Phạm Thanh T và ông Võ Văn Th tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã LA, huyện BL, tỉnh LD vào ngày 21 tháng

11 năm 2019. Sau khi kết hôn, ông T và bà T sống chung với gia đình bà T được 3 tháng, đến ngày 10/01/2020 thì vợ chồng về BT sống chung với ba mẹ chồng. Ngày 12/01/2020, bà T phát hiện chồng gọi điện thoại cho vợ cũ, bà T thưa cha mẹ chồng thì mẹ chồng gọi điện cho mẹ ruột bà T trả bà về nhà cha mẹ ruột. Từ đó, bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T và gia đình ông T không có chu cấp gì. Vì vậy, bà Nguyễn Phạm Thanh T yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn Th và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông T có tạo ra 01 người con chung là Võ Thành T, sinh ngày 28/9/2020, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn Th dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có lời trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do là vi phạm các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thành T, sinh ngày 28/9/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cấp dưỡng giữa vợ chồng: không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Phạm Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Th có địa chỉ tại 56/51 ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã VT, tỉnh VL). Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV6 - VL (trước đây là Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT) theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 51, 56

của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Võ Văn Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Phạm Thanh T và ông Võ Văn Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện BL, tỉnh LD vào ngày 21/12/2019 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T hạnh phúc nhưng sau đó đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, không còn tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân từ khi bà về nhà cha mẹ ruột ngày 12/01/2020 đến nay mà không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Còn ông T mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên hàn gắn gia đình cho ông và bà T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ, bản thân ông T không mong muốn hàn gắn gia đình với bà T.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có tạo ra 01 người con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 28/9/2020, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án xem xét cho bà T được quyền trực tiếp nuôi người con chung của bà và ông T. Nhận thấy, cháu T từ khi được sinh ra cho đến nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông T không có ý kiến yêu cầu gì nên chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con của bà T là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi

con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3.3] Về tài sản và nợ chung:

Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung, ông T không có ý kiến gì và không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6 - VL là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 264, 265, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Thanh T.

Bà Nguyễn Phạm Thanh T được ly hôn với ông Võ Văn Th. Bà T không yêu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Nguyễn Phạm Thanh T được quyền trực tiếp nuôi một người con chung của bà T và ông Võ Văn Th có tạo ra tên Võ Thành T, sinh ngày 28/9/2020, hiện đang sống chung với bà T.

Ghi nhận bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Phạm Thanh T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009594 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL (nay là phòng Thi hành án dân sự KV6 - VL). Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND KV6 - VL;
- THADS tỉnh VL;
- Phòng GDKT, TT và THA TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**